

Thứ hai, ngày 16 tháng 11 năm 2020

Vietnam Daily Review

Áp lực bán tăng cao tại vùng kháng cự

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 17/11/2020		•	
Tuần 16/11-20/11/2020		•	
Tháng 11/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tiếp tục ở trong sắc xanh vào đầu phiên sáng nhưng áp lực chốt lời đã tăng cao dần và lên đỉnh điểm vào cuối phiên chiều khiến cho chỉ số dờn về sát ngưỡng 950 điểm. Dòng tiền đầu tư giảm mạnh với chỉ 2/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại đã bán ròng trở lại trên cả 2 sàn HSX và HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường ở trong trạng thái tiêu cực đồng thời thanh khoản thị trường cũng tăng mạnh so với phiên trước. Theo đánh giá hiện tại, khu vực 940-950 vẫn đang là vùng hỗ trợ khá tốt nên áp lực bán có thể giảm bớt trong những phiên tiếp theo.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 910 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 16/11/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Vật liệu Xây dựng_0.5%**

Phân tích kỹ thuật: TCB_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-15.5** điểm, đóng cửa **950.79**. HNX-Index **-1.38** điểm, đóng cửa **143.36**.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+0.23)**; **TMS (+0.04)**; **POM (+0.04)**; **PAN (+0.03)**; **HNG (+0.03)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-4.89)**; **MSN (-1.71)**; **VHM (-1.45)**; **VCB (-1.44)**; **SAB (-0.53)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **8,973** tỷ đồng, **+25.09%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 22.48 điểm. Thị trường có **146** mã tăng, 50 mã tham chiếu và **305** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-402.93** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HDB (-95.8 tỷ)**, **CTG (-92.4 tỷ)** và **MSN (-87.8 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-3.65** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **950.79**
Giá trị: 8973.1 tỷ **-15.5 (-1.6%)**
Khối ngoại (ròng): -402.93 tỷ

HNX-INDEX **143.36**
Giá trị: 480.7 tỷ **-1.38 (-0.95%)**
Khối ngoại (ròng): -3.65 tỷ

UPCOM-INDEX **64.85**
Giá trị: 0.47 tỷ **0.15 (0.23%)**
Khối ngoại(ròng): 9.71 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	41.2	2.54%
Giá vàng	1,894	0.23%
Tỷ giá USD/VND	23,177	0.05%
Tỷ giá EUR/VND	27,450	0.22%
Tỷ giá JPY/VND	22,194	0.22%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	38.34%
LS TPCP 5 năm	1.3%	-3.01%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	75.5	HDB	-95.8
MBB	36.1	CTG	-92.4
VNM	27.2	MSN	-87.8
GAS	26.3	VHM	-60.0
HSG	21.1	HPG	-58.5
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Thị trường hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Vật liệu Xây dựng_0.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	22/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Vật liệu Xây dựng	0.5%	0.5%	4.8%	7.9%	29.4%	26.4%	27.7%
Đầu tư công	-0.5%	-0.5%	10.0%	8.3%	35.3%	27.6%	24.8%
Chiến tranh thương mại	-0.6%	-0.6%	8.2%	9.6%	34.7%	16.5%	29.9%
Ngân Hàng	-0.8%	-0.8%	5.5%	9.6%	32.5%	21.0%	32.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.8%	-0.8%	7.7%	11.0%	30.6%	22.6%	29.8%
VN Diamond	-0.9%	-0.9%	3.3%	5.1%	21.0%	-0.5%	30.2%
Nước & Năng lượng	-1.0%	-1.0%	3.9%	0.3%	16.4%	4.7%	24.9%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-1.0%	-1.0%	4.4%	8.6%	25.4%	0.7%	31.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	-1.0%	-1.0%	5.7%	8.8%	28.1%	8.3%	29.1%
EVFTA	-1.0%	-1.0%	8.5%	6.3%	7.4%	7.4%	19.4%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-1.1%	-1.1%	4.6%	3.4%	23.0%	25.7%	20.9%
VN FinSelect	-1.1%	-1.1%	3.8%	3.7%	17.4%	4.7%	29.2%
Xây dựng	-1.1%	-1.1%	9.8%	7.4%	31.7%	21.8%	29.7%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-1.1%	-1.1%	3.8%	3.5%	17.9%	4.9%	30.7%
Bất động sản Khu công nghiệp	-1.2%	-1.2%	10.4%	8.8%	31.0%	32.0%	28.3%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-1.3%	-1.3%	4.1%	2.8%	18.4%	4.8%	24.3%
Corona Avengers	-1.3%	-1.3%	9.2%	7.0%	24.9%	20.3%	33.2%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-1.3%	-1.3%	3.6%	9.7%	28.2%	13.9%	26.6%
Lãi suất giảm	-1.5%	-1.5%	10.7%	8.5%	33.8%	29.7%	31.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	-1.5%	-1.5%	2.0%	4.7%	20.8%	5.9%	27.0%
Cổ phiếu ngành Dược	-1.6%	-1.6%	1.6%	2.4%	17.0%	7.2%	20.7%
Dầu khí	-1.6%	-1.6%	6.3%	0.1%	12.5%	-13.9%	37.6%
FTSE Việt Nam	-1.7%	-1.7%	0.5%	4.8%	14.5%	2.2%	24.5%
Stay-at-home	-1.8%	-1.8%	8.5%	6.4%	28.8%	34.7%	32.4%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-2.2%	-2.2%	1.1%	7.2%	17.1%	1.4%	24.5%
Hàng tiêu dùng	-2.5%	-2.5%	5.6%	12.4%	33.0%	22.0%	28.5%

Mục tiêu	9/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M31	-0.7%	-0.7%	5.4%	8.1%	28.3%	11.4%	29.7%
L11	-0.9%	-0.9%	2.4%	3.4%	19.4%	6.0%	23.8%
S21	-0.9%	-0.9%	5.9%	7.3%	29.9%	12.3%	27.1%
M22	-1.0%	-1.0%	4.0%	5.8%	20.3%	14.0%	25.2%
S11	-1.0%	-1.0%	5.6%	9.4%	28.5%	27.6%	25.1%
L22	-1.2%	-1.2%	4.0%	4.5%	24.9%	6.0%	27.1%
M12	-1.3%	-1.3%	4.0%	7.1%	19.9%	6.9%	25.0%
L32	-1.4%	-1.4%	4.8%	13.5%	30.2%	5.1%	30.1%
S32	-1.5%	-1.5%	6.9%	11.8%	30.4%	5.6%	32.8%

Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	-1.3%	-1.3%	2.8%	3.7%	15.6%	3.7%	24.9%
MID1	-1.3%	-1.3%	4.9%	7.1%	28.6%	24.1%	25.0%
HIGH3	-1.7%	-1.7%	3.8%	7.9%	24.8%	8.3%	27.9%

INDEX							
VNINDEX	-1.6%	-1.6%	2.7%	5.0%	15.2%	-1.1%	23.8%
VN30INDEX	-1.6%	-1.6%	2.6%	6.7%	18.9%	4.2%	25.1%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	22	4	22	4	22	4
Mục tiêu	9	9	0	9	0	8	1
Rủi ro	3	2	1	2	1	3	0

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 16/11

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	40.72	1.47%	1.10%	-1.30%	-24.54%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	43.31	1.24%	2.10%	-0.50%	-26.39%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	113.94	1.24%	-1.80%	-2.10%	-24.55%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1889.66	0.02%	1.40%	-1.00%	29.76%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.93	1.06%	3.40%	2.60%	47.36%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1149.00	0.09%	3.50%	8.20%	20.03%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	598.00	-0.66%	-1.20%	-3.50%	10.23%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.50	-1.19%	-8.20%	-6.20%	1.27%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	228.10	1.28%	11.70%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.96	0.27%	0.30%	5.40%	8.96%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	112.20	-0.66%	2.50%	0.00%	-8.48%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6982.50	0.70%	0.50%	4.00%	19.38%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	583.18	0.52%	0.70%	8.80%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	604.16	1.20%	0.90%	9.00%			
Nhôm	USD/ton	1932.00	0.10%	1.60%	4.30%	10.09%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	126.64	0.74%	3.40%	7.70%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	62.45	-0.56%	0.10%	6.90%	-17.61%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 1/2021 tăng 44 US cent, hay 1%, lên 43.22 USD/thùng. Dầu thô WTI kỳ hạn tháng 12/2020 tăng 54 US cent, hay 1.4%, lên 40.67 USD/thùng. HĐTL dầu thô tăng bởi kỳ vọng cuộc họp bộ trưởng các nước OPEC+ có thể đề cập tới việc thay đổi hạn ngạch sản lượng đối với những quốc gia thành viên trước khi cuộc họp ngày 30/11 và 1/12 diễn ra. Đồng thời, dữ liệu tích cực của vĩ mô Trung Quốc, Nhật Bản hỗ trợ đà tăng của dầu thô.

Giá vàng

• Vàng giao ngay tăng 0.2% lên 1,892.15 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 tăng 0.3% lên 1,892.20 USD. Vàng tăng giá khi số ca mắc mới Covid-19 tiếp tục gia tăng tại các quốc gia chủ chốt, làm tăng kỳ vọng ban hành các gói cứu trợ mới bởi chính quyền các quốc gia trên. Đồng thời, giá trị USD giảm cũng hỗ trợ vận động tăng của giá vàng trong phiên hôm nay.

	16/11	% 16/11	13/11	% 13/11	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	950.79	-1.60%	966.29	0.73%	-0.13%	0.85%
S&P 500			3585.15	1.36%	2.16%	2.77%
HĐTL S&P500	3612.00	0.84%	3582.00	1.40%	1.92%	3.93%
Shang- hai	3346.97	1.11%	3310.10	-0.86%	-0.79%	0.44%
Euro Stoxx	3462.09	0.87%	3432.07	0.11%	1.59%	8.44%

Phân tích kỹ thuật

TCB_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50.
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: TCB đang ở trong trạng thái tích lũy trong khu vực 22-23 sau khi có quãng thời gian tăng trung hạn từ vùng hỗ trợ 18. Thanh khoản cổ phiếu những ngày giao dịch gần đây vẫn đang giữ giá trị tốt và ổn định. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái tích cực. Hôm nay, đường EMA12 vừa cắt lên trên đường EMA26 đồng thời chỉ báo RSI cũng ở trên ngưỡng trung lập nên cổ phiếu có thể thiết lập đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của TCB nằm tại khu vực 22-22.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 25, cắt lỗ nếu ngưỡng 21.5 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI = 23,854 tỷ VND (+13.2% yoy), PBT = 14,011 tỷ VND (+9.1% yoy). BVPS 2020 ở mức 20,914 VND/cp.

Catalyst

Giữ vững được tăng trưởng và chất lượng tài sản trước tình hình kinh tế khó khăn.

Luận điểm đầu tư

Tập trung đưa nhiều sản phẩm mới (BusinessOne,...), nâng cấp cơ sở hạ tầng và tập trung quản lý hiệu suất, tập trung số hóa các sản phẩm. Tái cấu trúc theo thông tư 01: 3.6% các khoản vay được giãn nợ. ~10% các khoản vay thuộc nhóm Xây dựng, VLXD và du lịch giải trí (lần lượt 3%, 6% và 1% tổng dư nợ). Các khoản vay vẫn đang nằm trong nợ nhóm 1. Tỷ lệ casa được cải thiện mặc dù lãi suất thấp – cải thiện nhờ tăng lãi suất kênh online và zero fee, giãn cách xã hội cũng giúp tăng giao dịch điện tử. Tín dụng năm 2020 ở được cấp ở mức >20% (cả ngành 11.5%), NIM dự kiến ổn định trong năm 2020.

Rủi ro Đầu tư

Tập trung cho vay BDS, ngành nghề được coi là rủi ro trong nền kinh tế.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: **Express TCB 2020Q3**

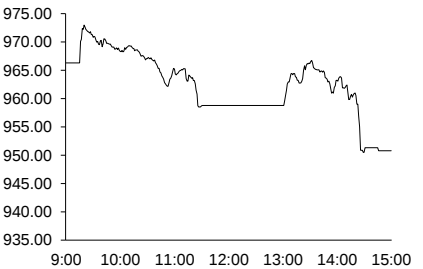
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	-9.85%
Bất động sản	-2.92%
Thực phẩm và đồ uống	-1.93%
Bảo hiểm	-1.61%
Hóa chất	-1.49%
Dầu khí	-1.43%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.42%
Du lịch và Giải trí	-1.29%
Bán lẻ	-1.24%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.21%
Ô tô và phụ tùng	-1.20%
Ngân hàng	-1.04%
Công nghệ Thông tin	-0.94%
Dịch vụ tài chính	-0.51%
Y tế	-0.48%
Xây dựng và Vật liệu	-0.45%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.03%
Tài nguyên Cơ bản	0.91%
Truyền thông	0.94%

Hình 1

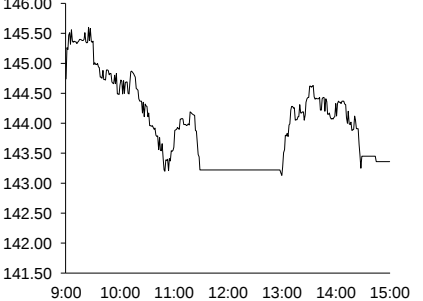
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

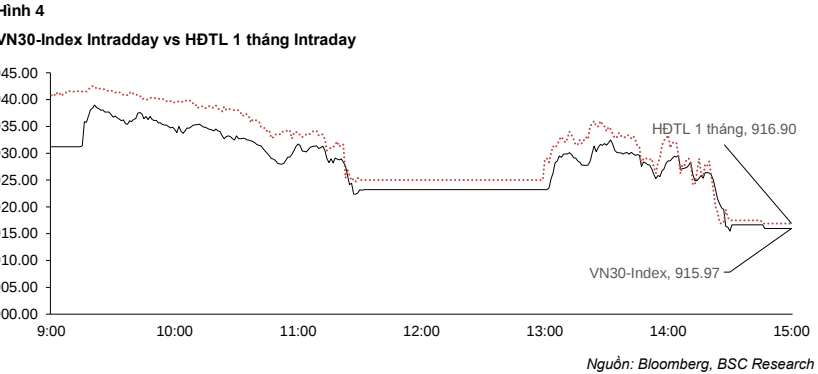
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
11/13/2020	VCB	86.9	96	84.5	85.8	3	-1.27%	Có thể tiếp tục mua
11/12/2020	HBC	11.15	14	10	10.9	4	-2.24%	Có thể tiếp tục mua
11/10/2020	PVS	14.3	16	13.5	14.8	6	3.50%	Có thể tiếp tục mua
11/9/2020	TNG	13.3	17	12	13.4	7	0.75%	Có thể tiếp tục mua
11/6/2020	DXG	12.6	14.75	11	13.3	10	5.56%	Có thể tiếp tục mua
11/5/2020	HDC	23.45	29.5	21	25	11	6.61%	Có thể tiếp tục mua
11/3/2020	GVR	15.5	18.75	13	16.75	13	8.06%	Có thể tiếp tục mua
11/2/2020	FIR	24.5	27	23.5	25.05	14	2.24%	Có thể tiếp tục mua
10/30/2020	MWG	104.7	120	100	109.7	17	4.78%	Có thể tiếp tục mua
10/29/2020	IMP	49	58	46	50.6	18	3.27%	Có thể tiếp tục mua
10/28/2020	PDR	39.47	44.9	35.55	38	19	-3.72%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/27/2020	KDH	24.3	26.75	23.5	24.3	20	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/22/2020	SJS	24.6	29	22.5	24.8	25	0.81%	Có thể tiếp tục mua
10/16/2020	FPT	53.2	60	50	53.3	31	0.19%	Có thể tiếp tục mua
10/1/2020	SBT	15.3	17.43	13.56	15.8	46	3.27%	Có thể tiếp tục mua
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	107.1	48	-1.92%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	11.25	52	-0.88%	Có thể tiếp tục mua
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	11.65	55	1.75%	Có thể tiếp tục mua
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	14.15	56	2.17%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	53.6	60	0.56%	Có thể tiếp tục mua
9/14/2020	TCT	26.49	33.18	23.71	27.05	63	2.11%	Có thể tiếp tục mua
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	24.95	66	3.53%	Có thể tiếp tục mua
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	24.2	81	-4.72%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	36	145	17.30%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	76.6	153	2.27%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
11/4/2020	PWA	10.4	11.5	9.2	TP	5	10.58%
10/26/2020	PHR	56.5	60	55	SL	3	-2.65%
10/23/2020	CSM	17.3	20	15.75	SL	6	-8.96%
10/21/2020	DHC	46	52	44	TP	23	13.04%
10/20/2020	TCM	25.05	28	22	TP	20	11.78%
10/19/2020	DRI	4.8	5.4	3.8	TP	1	12.50%
10/15/2020	ACV	61.8	70	60	TP	26	13.27%
10/14/2020	TCB	22.85	26	21.5	SL	16	-5.91%
10/13/2020	STK	15.75	17.5	15	TP	16	11.11%
10/12/2020	BWE	25.85	29	25	SL	10	-3.29%
Chú thích: Thống kê 10 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	19	6	3.62%	-2.46%	2.16%	41
Cổ phiếu đã chốt	53	35	12.11%	-7.57%	4.28%	26

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2011	916.90	-2.03%	0.93	104.0%	183,716	11/19/2020	5
VN30F2012	920.00	-1.52%	4.03	771.5%	4,619	12/17/2020	33
VN30F2103	918.00	-1.61%	2.03	171.4%	114	3/18/2021	124
VN30F2106	918.00	-1.21%	2.03	53.8%	60	6/17/2021	215

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm –15.23 điểm, xuống 915.97 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, MSN, VHM, VPB, HDB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của của VN30. VN30 tăng mạnh đầu phiên sáng lên gần 940 điểm, trước khi điều chỉnh giảm tiêu cực xuống quanh 915 điểm. VN30 có thể vận động tích lũy quanh 905-915 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2011 và VN30F2012 đang tăng, trong khi VN30F2103 và VN30F2106 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2103, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 910 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2023	1/12/2021	57	1:1	578,270	37.23%	2,100	4,790	11.40%	4,414	1.09	30,600	28,500	32,250
CVIC2006	4/1/2021	136	10:1	475,920	36.40%	1,700	2,590	8.37%	1,903	1.36	104,000	87,000	102,000
CHPG2008	11/30/2020	14	1:1	231,450	37.23%	4,100	11,900	8.18%	4,321	2.75	32,100	28,000	32,250
CHPG2014	4/19/2021	154	1:1	210,270	37.23%	7,200	14,630	6.48%	6,982	2.10	33,700	26,500	32,250
CHPG2017	2/18/2021	94	4:1	1,521,830	37.23%	1,000	1,350	3.05%	1,151	1.17	32,888	28,888	32,250
CHPG2016	1/14/2021	59	2:1	701,440	37.23%	2,200	6,100	2.87%	2,628	2.32	31,900	27,500	32,250
CHPG2019	12/18/2020	32	2:1	286,400	37.23%	1,630	4,100	2.50%	4,127	0.99	27,360	24,100	32,250
CHPG2021	4/1/2021	136	2:1	695,090	37.23%	2,400	4,250	2.41%	4,024	1.06	29,800	25,000	32,250
CHPG2015	3/1/2021	105	1:1	175,400	37.23%	6,700	13,650	2.02%	6,545	2.09	33,200	26,500	32,250
CHPG2010	4/5/2021	140	4:1	1,008,030	37.23%	1,800	2,230	1.83%	712	3.13	40,300	33,100	32,250
CHPG2022	5/4/2021	169	2:1	857,150	37.23%	2,100	3,690	1.65%	3,370	1.09	31,200	27,000	32,250
CVPB2008	1/14/2021	59	2:1	944,040	43.91%	1,800	1,700	-0.58%	1,516	1.12	25,600	22,000	24,150
CMWG2012	2/8/2021	84	5:1	272,140	42.01%	4,390	6,770	-2.45%	6,197	1.09	100,539	78,893	109,700
CMBB2007	1/14/2021	59	1.74:1	547,730	34.97%	1,400	2,680	-2.55%	1,225	2.19	17,217	14,783	19,050
CMBB2009	4/1/2021	136	10:1	614,780	34.97%	1,700	2,190	-3.52%	901	2.43	22,400	19,000	19,050
CVRE2012	4/1/2021	136	4:1	1,329,900	43.29%	1,300	960	-4.00%	801	1.20	31,700	26,500	26,850
CMWG2010	1/14/2021	59	10:1	637,600	42.01%	1,400	3,010	-5.94%	2,857	1.05	94,672	80,865	109,700
CVHM2007	2/8/2021	84	5:1	878,750	38.33%	2,900	1,610	-9.55%	1,363	1.18	89,500	75,000	76,600
CVIC2005	6/11/2021	207	10:1	975,050	36.40%	1,500	1,580	-17.71%	1,025	1.54	121,868	106,868	102,000
CMSN2009	5/14/2021	179	10:1	428,280	37.37%	1,200	2,740	-18.45%	2,428	1.13	73,999	61,999	83,900
Tổng				13,369,520	38.10%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 16/11/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- CMSN2008 và CHPG2025 tăng mạnh lần lượt là 16.13% và 13.45%. Trái lại, CVHM2002 và CMSN2001 giảm mạnh lần lượt là -29.38% và -23.86%. Giá trị giao dịch tăng 65.17%. CHPG2016 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.67% thị trường.
- CSTB2008, CHPG2019, CVPB2009, CREE2005, và CSTB2002 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMSN2012, CMSN2008, và CMSN2006 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CMSN2010, và CMSN2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	109.7	-1.3%	1.2	2,159	8.2	8,517	12.9	3.3	49.0%	29.0%
PNJ	Bán lẻ	72.1	-2.3%	1.2	706	4.5	4,592	15.7	3.3	48.9%	22.8%
BVH	Bảo hiểm	54.0	-2.2%	1.5	1,743	2.7	1,731	31.2	2.0	28.5%	7.1%
PVI	Bảo hiểm	28.7	-1.0%	0.3	279	0.0	2,729	10.5	1.0	54.4%	9.1%
VIC	Bất động sản	102.0	-5.0%	0.8	15,000	8.2	2,660	38.3	4.0	13.8%	11.0%
VRE	Bất động sản	26.9	-1.3%	1.1	2,653	8.8	1,001	26.8	2.2	30.1%	8.1%
VHM	Bất động sản	76.6	-2.2%	1.2	10,956	13.9	6,895	11.1	3.4	21.9%	35.4%
DXG	Bất động sản	13.3	-2.9%	1.4	300	5.8	(151)	N/A	N/A	35.8%	-1.3%
SSI	Chứng khoán	17.7	-0.6%	1.3	462	4.9	1,834	9.7	1.1	49.3%	11.5%
VCI	Chứng khoán	42.3	0.5%	1.0	305	2.3	3,770	11.2	1.8	26.3%	15.9%
HCM	Chứng khoán	22.5	-1.7%	1.6	298	3.0	1,705	13.2	1.5	48.5%	11.8%
FPT	Công nghệ	53.3	-0.9%	0.8	1,817	8.7	4,236	12.6	2.8	49.0%	23.1%
FOX	Công nghệ	51.3	-0.2%	0.4	610	0.0	4,812	10.7	2.7	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	72.5	-1.4%	1.4	6,033	4.0	4,752	15.3	3.0	3.0%	19.7%
PLX	Dầu khí	48.2	-1.3%	1.5	2,552	1.9	682	70.6	2.9	15.9%	4.3%
PVS	Dầu khí	14.8	-2.0%	1.5	308	7.1	1,621	9.1	0.6	10.4%	6.3%
BSR	Dầu khí	7.0	0.0%	0.8	944	0.9	898	7.8	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	102.6	0.1%	0.5	583	0.0	5,405	19.0	4.0	54.8%	21.7%
DPM	Hóa chất	17.5	-1.7%	0.5	298	2.6	2,011	8.7	0.9	12.4%	10.4%
DCM	Hóa chất	12.4	-2.0%	0.5	285	1.8	872	14.2	1.0	3.8%	7.4%
VCB	Ngân hàng	85.8	-1.3%	1.1	13,836	4.7	4,630	18.5	3.4	23.6%	19.7%
BID	Ngân hàng	39.9	-1.0%	1.3	6,977	3.4	2,126	18.8	2.1	17.3%	12.5%
CTG	Ngân hàng	31.9	-0.2%	1.2	5,164	22.1	2,948	10.8	1.4	29.2%	14.0%
VPB	Ngân hàng	24.2	-1.4%	1.2	2,560	9.8	4,111	5.9	1.2	23.1%	22.2%
MBB	Ngân hàng	19.1	-1.3%	1.1	2,297	16.9	2,995	6.4	1.1	22.8%	20.0%
ACB	Ngân hàng	26.2	-1.1%	0.9	2,462	10.3	3,109	8.4	1.7	30.0%	23.0%
BMP	Nhựa	55.2	0.9%	0.8	196	0.5	6,186	8.9	1.9	80.8%	20.7%
NTP	Nhựa	32.5	-0.3%	0.4	166	0.0	3,820	8.5	1.4	19.0%	17.5%
MSR	Tài nguyên	15.5	0.0%	0.4	667	0.1	356	43.5	1.2	1.7%	2.9%
HPG	Thép	32.3	0.9%	1.2	4,646	35.8	3,241	10.0	1.9	33.4%	21.3%
HSG	Thép	18.2	0.6%	1.5	351	11.9	2,591	7.0	1.2	10.8%	19.1%
VNM	Tiêu dùng	107.1	-0.3%	0.8	9,730	12.0	4,784	22.4	7.6	58.0%	35.3%
SAB	Tiêu dùng	181.8	-1.7%	0.8	5,069	1.6	6,312	28.8	5.9	63.1%	22.6%
MSN	Tiêu dùng	83.9	-6.9%	1.0	4,285	9.2	2,067	40.6	4.8	34.0%	8.9%
SBT	Tiêu dùng	15.8	-2.2%	0.9	403	2.1	702	22.5	1.3	6.0%	5.5%
ACV	Vận tải	68.6	-0.6%	0.8	6,493	1.4	3,450	19.9	4.1	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	111.2	-1.3%	1.1	2,533	3.3	(1,528)	N/A	N/A	17.4%	-5.6%
HVN	Vận tải	26.8	-1.3%	1.7	1,653	1.1	(7,345)	N/A	N/A	9.2%	-83.7%
GMD	Vận tải	26.6	1.1%	0.9	343	2.4	1,179	22.6	1.4	49.0%	5.8%
PVT	Vận tải	14.6	-1.4%	1.2	178	2.5	1,966	7.4	0.9	17.1%	12.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	75.0	-1.3%	1.0	506	1.2	8,260	9.1	3.1	2.9%	39.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	23.0	-0.4%	0.7	448	0.2	1,411	16.3	1.6	7.6%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.5	-0.3%	0.9	273	0.9	1,762	9.3	1.1	5.9%	11.9%
CTD	Xây dựng	62.8	1.9%	1.0	208	5.9	7,504	8.4	0.6	46.1%	6.9%
CII	Xây dựng	16.7	-2.3%	0.3	173	1.3	114	146.3	0.8	31.4%	0.5%
REE	Điện	43.7	-1.8%	-1.4	589	0.6	4,599	9.5	1.2	49.0%	13.7%
PC1	Điện	24.5	-1.8%	-0.4	170	0.6	2,689	9.1	1.0	13.9%	11.8%
POW	Điện	9.8	-2.0%	0.6	998	2.6	679	14.4	0.8	9.6%	5.8%
NT2	Điện	23.3	0.4%	0.6	292	0.2	2,103	11.1	1.6	19.4%	14.6%
KBC	Khu công nghiệp	14.2	-1.4%	0.8	289	0.6	879	16.1	0.7	18.0%	4.4%
BCM	Khu công nghiệp	38.6	-1%	1.0	1,737	0.0	#N/A	N/A	N/A	2.6	1.8% #VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	32.25	0.94	0.28	25.54MLN
KOS	29.60	6.67	0.05	272050
HNG	11.00	1.38	0.05	4.32MLN
PAN	19.80	3.13	0.04	184450
NKG	10.70	7.00	0.04	9.98MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	-0.01	-5.06	1.78MLN	1.11MLN
MSN	-0.01	-2.02	2.45MLN	607060
VHM	0.00	-1.58	4.10MLN	373600
VCB	0.00	-1.13	1.25MLN	192700
SAB	0.00	-0.57	203680	611640

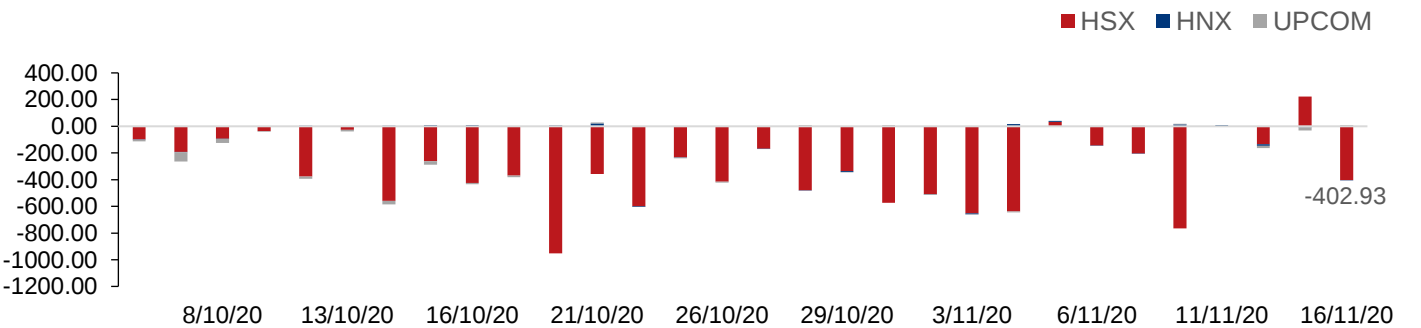
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NKG	10.70	7.00	0.04	9.98MLN
TVB	10.70	7.00	0.01	1.83MLN
DHA	41.40	6.98	0.01	103000
ACC	13.80	6.98	0.00	46280
AGR	5.22	6.97	0.02	1.64MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ITD	9.00	-12.20	-0.01	106890
TDW	23.25	-7.00	0.00	10
HRC	39.45	-6.96	-0.03	80.00
MSN	83.90	-6.88	-2.02	2.45MLN
HU1	7.73	-6.87	0.00	10

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	68.6	3,450	19.9	4.1	Click
2	DXG	Bất động sản	Mua	12/11/20	12.7	17.3	13.3	-151	#N/A N/A	1.1	Click
3	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	24.2	1,928	12.6	1.5	Click
4	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	11.9	#N/A N/A	#N/A N/A	0.8	Click
5	HPG	VLXD	Mua	9/11/20	30.3	41.0	32.3	3,241	10.0	1.9	Click
6	PNJ	Tiêu dùng	Mua	30/10/20	69.5	80.0	72.1	4,592	15.7	3.3	Click
7	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	26.9	1,001	26.8	2.2	Click
8	SBT	Đường	Theo dõi	14/10/20	16.4	18.6	15.8	702	22.5	1.3	Click
9	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	18.2	2,591	7.0	1.2	Click
10	FPT	Viễn thông	Mua	28/9/20	50.3	63.6	53.3	4,236	12.6	2.8	Click
11	DPM	Hóa chất	Theo dõi	21/9/20	16.9	18.4	17.5	2,011	8.7	0.9	Click
12	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	47.1	5,479	8.6	2.3	Click
13	CTG	Ngân hàng	Mua	17/9/20	25.6	30.0	31.9	2,948	10.8	1.4	Click
14	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	181.8	6,312	28.8	5.9	Click
15	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	26.6	2,528	10.5	1.1	Click
16	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	11/9/20	82.5	90.0	85.8	4,630	18.5	3.4	Click
17	PVD	Dầu khí	Theo dõi	1/9/20	11.4	13.5	11.7	0	19.9	0.4	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	14.2	879	16.1	0.7	Click
19	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	107.1	4,784	22.4	7.6	Click
20	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	109.7	8,517	12.9	3.3	Click
21	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.4	885	9.5	0.7	Click
22	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	44.5	5,130	8.7	1.5	Click
23	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.3	2,066	11.8	1.8	Click
24	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/20	25.0	34.6	28.4	2,627	10.8	1.5	Click
25	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	24.2	4,111	5.9	1.2	Click
26	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	41.5	13,673	3.0	1.1	Click
27	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	83.9	2,067	40.6	4.8	Click
28	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	45.5	5,316	8.6	1.7	Click
29	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	25.9	1,816	14.2	2.1	Click
30	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	22.9	3,258	7.0	1.1	Click
31	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	107.8	4,105	26.3	9.2	Click
32	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	25.0	6,870	3.6	1.3	Click
33	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	26.7	4,752	5.6	1.2	Click
34	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	65.1	5,241	12.4	2.6	Click
35	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	26.2	3,109	8.4	1.7	Click
36	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	44.5	5,130	8.7	1.5	Click
37	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	61.1	3,674	16.6	2.6	Click
38	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	26.6	1,179	22.6	1.4	Click
39	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.3	2,066	11.8	1.8	Click
40	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	11.2	1,412	7.9	0.7	Click
41	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	20.2	1,918	10.5	1.5	Click
42	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	102.6	5,405	19.0	4.0	Click
43	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	14.6	1,966	7.4	0.9	Click
44	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	33.8	4,313	7.8	1.6	Click
45	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	278.9	14,782	18.9	7.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VJC 2020Q3	17/9/20	Dự báo KQKD: BSC ước tính doanh thu thuần năm 2020 của VJC đạt 27,894 tỷ (-45% YoY) với giả định sản lượng hành khách giảm 70% (Tương đương 31% khách nội địa và 89% khách quốc tế), giá cước phí hàng không giảm 5% để cạnh tranh với các hãng hàng không khác. LNST ước đạt 5 tỷ đồng -99% YoY
Express TNG 2020Q3	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 13400 Dự báo KQKD: Năm 2020, công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 4,600 tỷ và 230 tỷ, tương đương với thực hiện năm 2019. Cổ tức năm 2020 dự kiến là 16% (cả tiền mặt và cổ phiếu)
Express NKG 2020Q4	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7950 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần của NKG đạt 11,808 tỷ đồng (-11.2% YoY), LNST từ hoạt động kinh doanh cốt lõi (không tính LN bất thường) là 142 tỷ (gấp 2 cùng kỳ), tương đương EPS = 823 đồng/CP.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639